

1. Tō Ciăcùe Dáng
Chòngsè jīching cù wu Tō, Tō káp Sjongtẹ tongcai, Tō sị Sjongtẹ.
2. Jì tị chòngsè jīching cù káp Sjongtẹ tongcai.
3. Sjongtẹ thongkè Jì đại chòngcō bənjù; jitchè picō e tak hang dōng sị thongkè Tō đại chòngcō.
4. Tị Jì đạibìn wu wamiă, cīt e wamiă sị dzindui e kĭ.
5. Cīt e kĭ tị o'ăm tìong tē¹⁾ cịō, o'ăm m băt jăkè kĭ.
6. Wu Sjongtẹ che đại e cit e dăng, mia kiēcùe Jōk'han.
7. Cīt e dăng đại sị bē cōcĭng, wītjō kĭ cōcĭng, bē họ sōw'u'e dăng thongkè jì đại sìn.

...

聖經閱讀

apio, ?A, wèiwánchọ ng

¹⁾

Jòu sị jí kọ wǒ ẵnweí sị nìen kăuphíng tàn kũeicố sũo sị kăucìang tọ cị!

From:

<http://ciangbrides.myds.me/dw/!abcdori.ga/> - **Abecedarium Orientale**

Permanent link:

<http://ciangbrides.myds.me/dw/!abcdori.ga/nan/bible/nt/4-jhn/1?rev=1523463655>



Last update: **2018/04/12 00:20**